

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÀ VINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẦU KÈ



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CẦU KÈ
GIAI ĐOẠN 2024 – 2028 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2033



NĂM 2024

Số: /KH-THPT.CK

Cầu Kè, ngày tháng 3 năm 2024

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CẦU KÈ GIAI ĐOẠN 2024 – 2028
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2033**

LỜI NÓI ĐẦU

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khẳng định quan điểm: *“Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo”...*

- Trường THPT Cầu Kè xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển đoạn 2024 - 2028, tầm nhìn đến năm 2033 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Cầu Kè là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng *“về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*; góp phần cùng các trường THPT trong tỉnh xây dựng ngành giáo dục tỉnh Trà Vinh phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước khu vực và thế giới.

PHẦN A - KHÁI QUÁT VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. TÊN TRƯỜNG: TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẦU KÈ

Tên tiếng Việt: Trường Trung học phổ thông Cầu Kè

Tên tiếng Anh: Cau Ke High School

2. TÊN VIẾT TẮT:

Tên tiếng Việt: THPT Cầu Kè

Tên tiếng Anh: Cau Ke High School

3. CƠ QUAN CHỦ QUẢN: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH TRÀ VINH

4. ĐỊA CHỈ: số 196, đường 30/4, Khóm 6, Thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

5. LIÊN LẠC:

Điện thoại: 0294.3834779; Fax:

Website: <http://thptcauke.sgdtravinh.edu.vn>

Email: c3cauke@sgdtravinh.edu.vn

6. LOẠI HÌNH TRƯỜNG: Công lập

7. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân ban đầu của trường THPT Cầu Kè là trường Trung học công lập Cầu Kè hình thành từ năm 1969. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, chính quyền cách mạng đã tiếp quản và thành lập trường cấp 2, 3 Cầu Kè. Lúc bấy giờ trường được đặt tại cạnh bên ngõ vào sân vận động Cầu Kè, gồm 1 dãy phòng học cấp đường dẫn vào sân vận động. Học sinh trường từ lớp 6 đến lớp 9 chưa quá 500 học sinh.

Năm học 1975 – 1976, trường cấp 2, 3 Cầu Kè chia tách, trường cấp 3 Cầu Kè được thành lập, dời về cơ sở mới nằm ngay ngã ba ấp Châu Thành B, xã Hòa Ân (nay thuộc khóm 6, Thị trấn Cầu Kè – Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cầu Kè bây giờ). Buổi đầu hình thành trường chỉ có 5 lớp với khoảng 200 học sinh, thuộc huyện Cầu Kè, Tiểu Cần (Huyện Cầu Kè lúc bấy giờ gồm Cầu Kè, Tiểu Cần sáp nhập), đội ngũ thầy, cô giáo chưa quá 20 người. Khi mới thành lập, thầy Hiệu trưởng là Nguyễn Minh Huân, người con quê hương Thái Bình thuộc đồng bằng sông Hồng, giáo viên chi viện sau khi thống nhất Đất nước. Trải dài theo thời gian, trường THPT Cầu Kè cũng đã có nhiều thay đổi về địa điểm, qui mô.

Năm học 1985 - 1986, số lượng học sinh ngày càng tăng, khuôn viên trường quá chật hẹp, cơ sở vật chất không đáp ứng nên đã được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè di dời về ngã ba Xoài U, ấp Sóc Kha, xã Hòa Ân (nay là trường THCS Thị trấn Cầu Kè). Số lượng học sinh tăng nhanh lên gấp hơn 3 lần, đội ngũ giáo viên không đủ đảm đương việc giảng dạy, UBND huyện phải phối hợp với Sở Giáo dục Cửu Long (tỉnh lúc bấy giờ là tỉnh Cửu Long, gồm Trà Vinh và Vĩnh Long) kêu gọi giáo viên mới ra trường từ TP. Hồ Chí Minh đến chi viện.

Năm học 1989 - 1990, trường lại lần nữa di dời về ấp Châu Thành A, xã Hòa Ân trường được xây dựng tại khu vực sân vận động huyện Cầu Kè, gồm 12 phòng học.

Năm học 1999 - 2000, Trường được xây dựng mới tại khóm 6, Thị trấn Cầu Kè nên tổ chức giảng dạy tại 02 điểm.

Đến năm học 2005 - 2006 Trường chính thức tổ chức dạy tại điểm khóm 6, Thị trấn Cầu Kè cho đến ngày nay. Tại đây, có những năm 2001, 2002, 2003 số lượng lớp tăng lên nhanh chóng và tạo sự quá tải; đỉnh điểm là năm 2003 trường gần 60 lớp và trên 2.000 học sinh, đội ngũ thầy, cô giáo lên đến 130 người. Đến năm 2004 tách thêm Trường THPT Phong Phú, năm 2009 tách thêm Trường THPT Tam Ngãi và Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Cầu Kè.

Qua gần 50 năm hình thành và phát triển, trường đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh thành đạt, nay là những người kế thừa, những kỹ sư, bác sĩ, những nhà doanh nghiệp, cán bộ,..... góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Hiện nay đội ngũ thầy, cô giáo Trường THPT Cầu Kè giảm còn 58 người, 28 lớp học với 1.074 học sinh. Cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu dạy và học của nhà trường. Chất lượng giáo dục của nhà trường được giữ vững; hằng năm tỷ lệ tốt nghiệp THPT trên 99%, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng từ 40% trở lên. Các Đoàn thể trong nhà trường được cấp trên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt nhiều thành tích to lớn góp phần tạo nên thành tựu chung của trường.

Tâm huyết của đội ngũ thầy, cô giáo hiện nay, quyết tâm đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, phát huy truyền thống các thế hệ thầy, cô giáo trước đây của nhà trường đồng tâm đưa trường THPT Cầu Kè trở thành trường tiên tiến của tỉnh, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được sự mong mỏi của chính quyền địa phương và nhân dân trong huyện Cầu Kè.

8. ĐỘI NGŨ

9. CƠ CẤU TỔ CHỨC

```
graph TD; CB[CHI BỘ] --> HT[HỘI ĐỒNG TRƯỜNG]; CB --> CHK[CHI HỘI KHUYẾN HỌC]; CB --> BDCMHS[BAN ĐD CMHS]; CB --> HT[HIỆU TRƯỞNG]; CB --> CDCS[CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ]; CB --> DTLN[ĐOÀN TN-HỘI LHTN]; HT <--> CHK; HT <--> BDCMHS; HT <--> CDCS; HT <--> DTLN; HT --> PH1[P. HIỆU TRƯỞNG 1]; HT --> PH2[P. HIỆU TRƯỞNG 2]; PH1 --> TT[TỔ TOÁN]; PH1 --> TL[TỔ LÝ-TIN]; PH1 --> THGDQP[TỔ HÓA-GDQP]; PH1 --> TSGDTC[TỔ SINH-GDTC]; PH2 --> TV[TỔ VĂN]; PH2 --> TSĐGDGD[TỔ SỬ-ĐỊA-GDGD]; PH2 --> TNG[TỔ NGOẠI NGỮ]; TT <--> TL; TL <--> THGDQP; THGDQP <--> TSGDTC; TSGDTC <--> TV; TV <--> TSĐGDGD; TSĐGDGD <--> TNG; TT --> HS1[HỌC SINH]; TL --> HS1; THGDQP --> HS1; TSGDTC --> HS1; TV --> HS2[HỌC SINH]; TSĐGDGD --> HS2; TNG --> HS2;
```

9.1 Giáo viên:

TT	Bộ phận	Số lượng		Đăng viên	Số giáo viên						
					Biên chế(cơ hữu)	Hợp đồng	>ĐH	ĐH	CĐ	Khác	Ghi chú
		T.số	Nữ								
1	Văn	7	5	5	7		3	4			
2	Toán	7	4	3	6	1	4	3			
3	Tiếng Anh	4	1	1	4			4			

4	Lý	4	2	1	4		1	3			
5	Hóa	6	6	3	6		4	2			
6	Sinh	4	4	2	3	1	1	3			
7	Sử	3	3		3		1	2			
8	Địa	4	1	2	2	2	1	3			
9	GD&ĐT	2	2	1	2			2			
10	Công nghệ	1			1	1		1			
11	Âm nhạc	0									
12	Mỹ thuật	0									
13	Thể dục	4		1	3	1		4			
14	Quốc phòng	2		1		2	2				
15	Tin học	3	1	2	3			3			
16	Tiếng Pháp	1			1			1			
TỔNG CỘNG		52	29	22	45	8	15	37			

9.2. Cán bộ quản lý, nhân viên:

TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Số CBQL, nhân viên						
		T.số	Nữ		Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	>ĐH	ĐH	CD	Khác	Ghi chú
1	CBQL	3	1	3	3		2	1			
2	Kế toán	1	1	1	1	1		1			
3	Thủ quỹ	0									
4	Văn thư	0									
5	Thư viện	0									
6	Thiết bị, thí nghiệm	1	1		1	1		1			
7	Văn phòng	0									
8	Giáo vụ	0									
9	Quản trị công sở	0									
10	Tư vấn tâm lý	0									
11	Y tế	0									
12	Bảo vệ	1				1				1	
13	Phục vụ	0									

TỔNG CỘNG	6	3	4	5	2	2	3		1	
------------------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	--	----------	--

9.3. Học sinh

Khối	Số lớp	Học sinh			Sĩ số TB HS/lớp	Số HS lưu ban	Gia đình chính sách	Gia đình khó khăn
		T.số	Nữ	Dân tộc				
10	10	359	208	108	35,9	0	0	1
11	9	375	214	110	41,7	0	0	8
12	9	340	200	109	37,8	0	0	5
Tổng số	28	1074	622	327	38,4	0	0	14

9.4. Trang thiết bị phòng học và thiết bị dạy học

Các hạng mục thiết kế, trang thiết bị và nhu cầu sử dụng: Hầu hết các phòng học và phòng chức năng đều đạt chuẩn về diện tích và thiết kế đúng quy chuẩn.

Hạng mục, trang thiết bị	Hiện có	Nhu cầu	Còn thiếu
1. Phòng học + Phòng kiên cố + Phòng bán kiên cố + Phòng tạm	18	28	10
2. Khối phòng chức năng			
+ Phòng Ban giám hiệu	2	3	1
+ Phòng Y tế	0	1	1
+ Phòng tài vụ	0	1	1
+ Phòng họp (văn phòng, phòng hội đồng)	1	1	0
+ Phòng giám thị	0	1	1
+ Phòng giáo vụ	0	1	1
+ Phòng tiếp khách	0	1	1
+ Phòng vi tính	2	2	0
+ Phòng nghe nhìn	1	2	1
+ Phòng Công nghệ	0	1	1
+ Phòng KHXH	0	1	1
+ Phòng Ngoại ngữ	0	1	1
+ Phòng Mỹ thuật	0	1	1
+ Phòng Âm nhạc	0	1	1
+ Phòng Vật lý - Thí nghiệm Vật lý	1	1	0
+ Phòng Hóa học - Thí nghiệm Hóa học	1	1	0
+ Phòng Sinh học - Thí nghiệm Sinh học	0	1	1
+ Phòng nghỉ giáo viên nam, nữ	0	1	1
+ Phòng Đoàn đội	1	1	0

+ Phòng quản lý hồ sơ	0	1	1
+ Phòng văn thư lưu trữ	1	1	0
+ Thư viện	1	1	0
+ Kho đồ dùng giảng dạy	1	1	0
3. Khu sân chơi, bãi tập	1	1	0
4. Nhà bảo vệ	1	1	0
5. Bếp			
6. Hội trường	1	1	0
7. Nhà tập thể thao	0	1	1
8. Phòng truyền thống	1	1	0
9. Bãi đỗ xe			

PHẦN B – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2019 – 2023

1. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

1.1. Kết quả đạt được

Trường THPT Cầu Kè được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện Cầu Kè, các ban, ngành, đoàn thể địa phương, lãnh đạo ngành giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường, giáo viên 100% đạt chuẩn về trình độ đào tạo; trong đó có 02 cán bộ quản lý và 15 giáo viên có trình độ Thạc sĩ chiếm tỷ lệ 29,3%.

Đội ngũ giáo viên có nhiều giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, năng động, tâm huyết với nghề, tích cực trong các hoạt động giáo dục.

1.2. Hạn chế

Đội ngũ giáo viên tuy đầy đủ ở các bộ môn nhưng vẫn thừa, thiếu cục bộ; một số ít giáo viên tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các phần mềm trong giảng dạy, soạn thảo văn bản còn hạn chế; chất lượng đội ngũ chưa đồng đều.

Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi và giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp còn thấp.

2. CƠ SỞ VẬT CHẤT

2.1. Kết quả đạt được

- Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Trường có cổng, biển tên trường và tường rào bao quanh.

- Nhà trường có phòng học kiên cố, mỗi phòng được trang bị bảng chống lóa, bàn ghế giáo viên và học sinh, đèn, quạt điện tạo cho phòng học được

thoáng mát, có màn che chắn ánh nắng. Trường có đủ bàn, ghế phù hợp với tầm vóc cho học sinh theo quy định.

- Khối phòng hành chính – quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục. Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự. Hàng năm có xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa các thiết bị khối hành chính – quản trị theo định kỳ.

- Nhà trường có đủ các khu vệ sinh riêng biệt cho giáo viên, học sinh nam và nữ, đảm bảo sạch, thoáng không ô nhiễm môi trường. Trường có hệ thống thoát nước; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường có thu gom rác hàng ngày, có bố trí các thùng đựng rác ở khu vực nhà vệ sinh. Các công trình vệ sinh được bố trí hợp lý, không ảnh hưởng đến cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đầy đủ, thông hút hồ ga theo định kỳ và không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp.

- Nhà trường có đầy đủ thiết bị và đồ dùng dạy học tối thiểu để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy và tích cực tự làm đồ dạy học hàng năm. Hằng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê, sửa chữa và nâng cấp và bổ sung đồ dùng thiết bị dạy học.

- Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

2.2. Hạn chế

- Số lượng và chất lượng cơ sở vật chất hiện tại chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu. Diện tích khuôn viên nhà trường còn hẹp, khu làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng tư vấn tâm lý, phòng tổ chuyên môn và phòng y tế chưa đạt chuẩn quy định, còn ghép với các phòng khác.....

- Trang thiết bị, đồ dùng dạy học mặc dù được đầu tư, trang bị nhưng chưa đáp ứng theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG

3.1. Kết quả đạt được

Công tác giáo dục tư tưởng chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh được quan tâm; an ninh, an toàn trường học được đảm bảo;

xây dựng văn hóa học đường và môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, dân chủ, kỷ cương được chú trọng.

3.2. Hạn chế

Việc xây dựng nề nếp kỉ cương trong nhà trường tuy thực hiện nghiêm túc nhưng chưa đồng bộ, từng lúc còn những hạn chế nhất định nên việc thúc đẩy học sinh nhận thức đúng còn hạn chế.

4. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả đạt được

Chất lượng giáo dục luôn giữ vững: Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch; Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực; trên 99% học sinh trở lên được công nhận tốt nghiệp, khoảng 40% học sinh đỗ vào các Cao đẳng, Đại học.

Tỉ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh luôn được giữ vững hàng năm.

NĂM HỌC	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
Công tác tuyển sinh đầu cấp	Đúng qui định từ 75-80%	Đúng qui định từ 75-80%	Đúng qui định từ 75-80%	Đúng qui định từ 75-80%	Đúng qui định từ 75-80%
Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng(%)	92,29	96,49	99,79	99,9	99,5
Tỷ lệ HS XL học lực Khá, Giỏi(%)	56,2	58,9	78	83,4	78,6
Tỷ lệ HS XL hạnh kiểm Khá, Tốt(%)	99,1	100	100	100	100
HS Giỏi cấp tỉnh	17	11	11	8	13
HS giỏi quốc gia	0	0	0	0	1
Tỷ lệ tốt nghiệp THPT(%)	264/264 100	254/255 99,6	293/293 100	311/312 99,68	321/322 99,69
Tỷ lệ HS lưu ban	0,2	0	0	0	0
Tỷ lệ HS bỏ học	1,35	1,54	1,43	1,38	1,2
Hiệu quả đào tạo	264/308 85,7	354/317 80,1	293/345 84,9	311/351 88,6	321/366 87,7

4.2. Hạn chế

- Chất lượng một số bộ môn được nâng lên nhưng chưa đồng đều.
- Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng còn cao

5. CÔNG TÁC PHỐI HỢP

5.1. Kết quả đạt được

- Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Lãnh đạo nhà trường làm tốt công tác dân vận với các tổ chức, cá nhân ở địa phương để xây dựng trường học an toàn, lành mạnh, tích cực. Thông qua các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường nhà trường đã tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường để nhân dân địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc phát triển toàn diện nhà trường.

- Nhà trường luôn chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc.

- Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng hoàn thiện về mọi mặt, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống... nên các phong trào phát triển tốt, đạt hiệu quả cao.

5.2. Hạn chế

- Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa thực hiện hết quyền, nhiệm vụ của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã được quy định trong Điều lệ.

- Công tác huy động các nguồn lực tự nguyện còn hạn chế do kinh tế địa phương còn khó khăn. Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương cũng như các hoạt động tổ chức tham quan, tìm hiểu các di tích văn hóa, lịch sử còn ít.

Một số học sinh thiếu sự quan tâm của gia đình do cha mẹ đi làm xa, ở với ông bà nên không quản lý được việc học tập của các em; một số do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ngoài việc học các em phải phụ đi làm kiếm thêm thu nhập giúp gia đình nên việc học sa sút.

6. CÔNG TÁC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

6.1. Kết quả đạt được

Trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 (theo Quyết định số 1351/QĐ-SGDĐT, ngày 20/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Cầu Kè, huyện Cầu Kè, đạt kiểm định chất lượng giáo dục) và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (theo Quyết định số 1831/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn quốc gia)

6.2. Hạn chế

Một số tiêu chí đạt nhưng mức độ chưa cao, chưa thật sự bền vững.

PHẦN C - KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CẦU KÈ GIAI ĐOẠN 2024 – 2028 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2033

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CẦU KÈ GIAI ĐOẠN 2024 – 2028 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2033.

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội khóa 14;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của BCH Trung ương Đảng “*về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cầu Kè lần XII nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết chi bộ Trường THPT Cầu Kè lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Công văn số 64/SGDĐT-VP, ngày 09/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh về việc tổ chức thực hiện xây dựng chiến lược phát triển nhà trường;

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

1. Môi trường bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Các nghị quyết của Đảng, Chỉ thị của Nhà nước về công tác giáo dục khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn dân; ngành giáo dục có nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đây là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển giáo dục.

- Nhà trường được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh, sự phối hợp của các ban ngành đoàn thể, Hội khuyến học địa phương trong lĩnh vực giáo dục.

- Ngày càng có nhiều cơ hội, nhiều chương trình học, tạo điều kiện cho giáo viên nâng cao trình độ. Phương tiện thông tin ngày càng mở rộng vừa là cơ hội, vừa là thách thức giúp cho giáo viên và học sinh tiếp thu phát triển kiến thức. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập; đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, thực hiện những giải pháp đột phá và những giải pháp lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực. Giáo dục và đào tạo có nhiều cơ hội để đổi mới và tiếp cận các mô hình trường học hiện đại.

1.2. Thách thức

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đang được triển khai trong điều kiện nhà trường chưa kịp đáp ứng về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đội ngũ. Các khối công trình được xây dựng từ lâu đã bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng. Khối phòng học tập vừa thiếu vừa không đạt tiêu chuẩn theo quy định mới. Các khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật chưa có hoặc chưa đảm bảo yêu cầu tối thiểu. Thiếu giáo viên giảng dạy những môn học mới theo quy định của chương trình (Âm nhạc, Mỹ thuật...).

- Học sinh của trường thuộc vùng nông thôn. Điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương còn khó khăn. Nhận thức và mức độ quan tâm về giáo dục, mức đầu tư cho con em của họ và ủng hộ đóng góp cho nhà trường vẫn chưa có sự thay đổi.

- Việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục - Đào tạo, trong đó có đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và cuộc cách mạng

công nghiệp 4.0 đã đặt ra những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường; về năng lực chuyên môn, khả năng thích ứng với sự thay đổi, khả năng hội nhập quốc tế, ... của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cũng như người học.

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Xã hội phát triển về mặt tích cực trong cơ chế thị trường nhưng các tiềm ẩn về tệ nạn xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc rèn luyện tác phong đạo đức, ý thức – động cơ - thái độ học tập của học sinh, một số học sinh có nguy cơ nghiện game, nghiện mạng xã hội.

2. Môi trường bên trong

2.1. Điểm mạnh

2.1.1. Về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn về phẩm chất chính trị, năng lực quản lý và có nhiều tâm huyết với nghề, tích cực trong đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý mang lại hiệu quả cao. Trong công tác tổ chức triển khai kế hoạch, kiểm tra, đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Đội ngũ giáo viên đoàn kết, luôn nhiệt tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với nghề, không ngừng rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Chất lượng chuyên môn bước đầu đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhiều giáo viên có năng lực tốt, năng động sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt, được phụ huynh học sinh và học sinh tin tưởng.

- Nền nếp – kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức thường xuyên và ngày càng phong phú

2.1.2. Về học sinh và chất lượng đào tạo

- Công tác tuyển sinh đầu cấp đúng quy định, đảm bảo 100% học sinh đi học trong độ tuổi đúng quy định.

- Chất lượng giáo dục luôn giữ vững: Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch; Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực; trên 99% học sinh trở lên được công nhận tốt nghiệp, khoảng 40%

học sinh đổ vào các Cao đẳng, Đại học. Tỷ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh luôn được giữ vững hàng năm.

- Học sinh tham gia tốt và đạt kết quả cao các cuộc thi các cấp.

2.1.3. Về cơ sở vật chất

- Các trang thiết bị (bàn ghế, đèn, quạt...) trong các phòng học và phòng làm việc được trang bị đầy đủ và đảm bảo thông thoáng.

- Sân chơi rộng rãi, thoáng mát. Nhà xe có đủ chỗ và riêng biệt cho giáo viên và học sinh. Khu vệ sinh riêng biệt cho nam và nữ, riêng biệt cho học sinh và giáo viên; khu vệ sinh luôn sạch sẽ.

Nhìn chung cơ sở vật chất bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu dạy và học một buổi trên ngày.

2.1.4. Công tác thi đua: Đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục tỉnh nhà, được học sinh và phụ huynh học sinh tin cậy.

Năm học 2018 - 2019: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

Năm học 2019 - 2020: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

Năm học 2020 - 2021: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

Năm học 2021 - 2022: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

Năm học 2022 - 2023: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

2.2. Điểm hạn chế

2.2.1. Về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- *Cán bộ quản lý:* Trong công tác quản lý chưa tổ chức nhiều hoạt động tập thể, các sinh hoạt chuyên đề, các hội thảo về tâm lý lứa tuổi, về công tác chủ nhiệm, giảng dạy để giáo viên học hỏi, trau dồi kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy, quản lý giáo dục học sinh; đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên; công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên chủ yếu là động viên, nhắc nhở, nên một số giáo viên còn chậm đổi mới, chưa phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, ngại ứng dụng CNTT.

- *Đội ngũ giáo viên:* Một số bộ môn thừa thiếu cục bộ; chất lượng đội ngũ giáo viên không đồng đều, một số giáo viên chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, chưa đáp ứng được yêu cầu của trường trong việc nâng cao chất lượng và rèn luyện đạo đức học sinh; nhất là còn nhiều lúng túng trong xử lý tình huống, chưa phát huy hết trách nhiệm của từng cá nhân.

- *Nhân viên:* còn thiếu Văn thư, Thư viện, Y tế nên ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường

2.2.2. Về học sinh và chất lượng đào tạo

- Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng hàng năm vẫn còn cao so với quy định (trên 1%/năm)

- Tỷ lệ học sinh yếu trong 5 năm qua còn khá cao 2,18%. Ý thức tự giác học tập, rèn luyện của một bộ phận học sinh còn hạn chế. Một bộ phận cha mẹ học sinh quan tâm chưa đúng mức đến việc học tập và rèn luyện của con em mình dẫn tới các em không chăm học, học kém và bỏ học.

2.2.3. Cơ sở vật chất:

Trang thiết bị cũ, hư hỏng và còn lạc hậu chưa đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, khuôn viên nhà trường chưa đáp ứng theo quy định (4.915,8m²), vẫn còn thiếu nhà thi đấu thể dục thể thao, bãi tập, phòng bộ môn, phòng nghỉ giáo viên...

2.2.4. Công tác thi đua: chưa đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

3. Xác định các vấn đề ưu tiên.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, trong giảng dạy – học tập; tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

- Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2024 – 2028 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2033.

1. Tầm nhìn, sứ mệnh

1.1. Tầm nhìn:

- Trường THPT Cầu Kè hướng đến một trường học thân thiện với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới, phát triển nhà trường theo hướng “*Nền nếp - kỷ cương – tình thương - chất lượng*” đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và sự phát triển hiện nay, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh và học sinh.

- Trường THPT Cầu Kè hướng đến đào tạo học sinh thành những con người năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt trong cộng đồng.

- Phần đầu đến năm 2033, Trường THPT Cầu Kè có chất lượng giáo dục 2 mặt đứng top 10 trường THPT trong tỉnh Trà Vinh, đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2.

1.2. Sứ mệnh:

Xây dựng môi trường học tập và rèn luyện có *nền nếp - kỷ cương – tình thương - chất lượng*. Giáo dục cho các thế hệ học sinh có kiến thức, sức khỏe, đạo đức và kỹ năng sống để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội.

2. Mục tiêu chiến lược

Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Huy động toàn bộ các nguồn lực nhằm xây dựng và phát triển nhà Trường đảm bảo mục tiêu:

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, triển khai có chiều sâu các đề án của Sở, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh;

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ;

- Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa;

- Nâng cao chất lượng quản lý toàn diện nhà trường bằng công nghệ thông tin;

- Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động nguồn lực từ xã hội hóa giáo dục;

- Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

3. Mục tiêu chung

- Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ; Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “*về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”.

- Xây dựng cơ sở vật chất nhà trường theo quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và học tập của học sinh.

- Tiếp tục tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập; đổi mới phương thức đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

- Tiếp tục phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; chú trọng đổi mới tư duy nghiên cứu, giảng dạy theo hướng hiện đại.

- Thực hiện theo lộ trình các chương trình, đề án của tỉnh.

- Phát triển nhà trường theo mô hình “*Nền nếp - kỷ cương – tình thương - chất lượng*” có môi trường thân thiện, có uy tín về chất lượng giáo dục, tiến tới đạt Trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng trong Top 10 những trường có chất lượng cao trong tỉnh Trà Vinh; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có được niềm tin của cấp uỷ, chính quyền và nhân dân địa phương.

3.1. Các mục tiêu tổng quát

3.1.1. Mục tiêu ngắn hạn: từ năm 2024 đến năm 2025

- Rà soát lại toàn bộ kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 - 2023, những mặt làm được những mặt chưa làm được.

- Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, giữ vững thành tích học sinh giỏi cấp tỉnh, xây dựng thương hiệu, uy tín về chất lượng giáo dục cho nhà trường.

3.2.2. Mục tiêu trung hạn: Từ năm 2025 đến năm 2028

- Năm học 2025 - 2026: Hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Tiếp tục tham mưu chính quyền địa phương mở rộng diện tích khuôn viên nhà trường đáp ứng qui mô lớp học và số lượng học sinh.

- Năm học 2026 - 2027: Tham mưu, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, khu hiệu bộ, các phòng học bộ môn để đưa vào hoạt động.

- Năm học 2027 - 2028: Hoàn thiện các điều kiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng giáo dục để đạt cấp độ 2 và tái công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1.

3.2.3. Mục tiêu dài hạn: Từ năm 2029 đến năm 2033 và những năm tiếp theo:

- Phần đầu đạt chuẩn về chất lượng giáo dục, thực hiện đánh giá ngoài đạt cấp độ 3; xây dựng thư viện đạt tiên tiến; trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Chất lượng giáo dục được khẳng định trong Top 10 Trường THPT có chất lượng cao trong tỉnh Trà Vinh.

4. Mục tiêu cụ thể

4.1. Tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy hiệu quả phù hợp với yêu cầu giảng dạy.

- Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học để đáp ứng yêu cầu .

- Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giáo viên theo năng lực đáp ứng được yêu cầu của công việc. Lập kế hoạch tiếp nhận và tuyển dụng giáo viên và nhân viên theo yêu cầu về cơ cấu và chất lượng. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng và chất lượng, 100% giáo viên có trình độ đại học trở lên, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó xếp loại khá, tốt từ 85% trở lên.

- Tạo các điều kiện thuận lợi cho giáo viên, nhân viên theo học các lớp bồi dưỡng và nâng cao trình độ về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, phần đầu 100% cán bộ quản lý được bồi dưỡng chuẩn hoá về nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ và tin học.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng thành thạo CNTT vào quản lý và giảng dạy.

- Phần đầu có trên 30% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ Thạc sĩ.

- Phần đầu 100% Tổ chuyên môn có giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ, trong đó có ít nhất 60% Tổ trưởng chuyên môn có trình độ Thạc sĩ (kể cả đang theo học).

- Hàng năm giáo viên dạy giỏi các cấp: từ 20 - 25% (kể cả bảo lưu).

- Hàng năm có ít nhất 20% CB, GV, NV có sáng kiến, giải pháp cấp cơ sở được áp dụng hiệu quả.

- Hàng năm 100% viên chức được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 98% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

4.2. Chất lượng giáo dục

- Kết quả rèn luyện: 100% đạt, trong đó Tốt – Khá đạt 98%.

- Học lực: Đạt từ 98% trở lên, (trong đó Giỏi 20%; Khá 30%);

- Tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 2%.
- Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 1%.
- Thi học sinh giỏi tỉnh : 10 giải trở lên/năm (phần đầu có giải Nhất)
- Tỷ lệ Tốt nghiệp THPT: 98% trở lên.
- Thi đỗ Đại học, Cao đẳng: Trên 50 %.
- Hiệu quả đào tạo: 85% trở lên

4.3. Cơ sở vật chất.

- Đến năm 2028, đảm bảo đầy đủ phòng học (1 phòng/lớp), thực hiện 100% số lớp học học 2 buổi/ngày, đảm bảo đủ phòng học bộ môn, máy tính kết nối Internet, 100% phòng học có màn hình tivi/máy chiếu/bảng tương tác, có đủ thiết bị dạy học theo quy định, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các tiết thực hành thí nghiệm.

- Xây thêm các phòng chức năng, phòng làm việc và bãi tập, cùng trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại.

- Thực hiện tốt công tác sử dụng, bảo quản, sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Nhà vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo sạch, đẹp và thân thiện với môi trường.

- Xây dựng khu học tập thể dục, hoạt động giáo dục ngoài trời, vui chơi, đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, thoáng mát, sạch đẹp, an toàn đáp ứng yêu cầu giáo dục thể chất cho học sinh.

- Trang bị đầy đủ phương tiện phục vụ cho công tác quản lý và điều hành nhà trường.

- Đơn vị được công nhận “Đơn vị văn hoá”, “Trường học an toàn”, cảnh quan sư phạm “xanh - sạch - đẹp – an toàn”.

4.4. Công tác phối hợp

- Đảm bảo quan hệ chặt chẽ với các cơ quan lãnh đạo, thực hiện đầy đủ các văn bản qui định của cấp trên. Hoàn thành tốt các yêu cầu, nhiệm vụ cấp trên giao. Xây dựng nhà trường từng bước trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

- Liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện tốt nhất cho phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục của nhà trường.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện học bổng khuyến học và khuyến tài nhằm giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

4.5. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng Trường đạt chuẩn quốc gia

- Hoàn thiện các điều kiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng giáo dục để đạt cấp độ 2 và tái công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 1 năm 2028.

- Phân đấu đạt chuẩn về chất lượng giáo dục, thực hiện đánh giá ngoài đạt cấp độ 3; xây dựng thư viện đạt tiên tiến; trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2033.

4.6. Chỉ tiêu thi đua khen thưởng

- Hằng năm tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên; từ năm 2024 - 2028 phân đấu nhận Bằng khen của UBND Tỉnh.

- Chi bộ: Hằng năm đạt tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên hằng năm đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- Hằng năm có từ 98% viên chức đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên, trong đó có 15% đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; hằng năm có ít nhất 10% viên chức nhận bằng khen UBND tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, bằng khen Bộ, ngành, Chính phủ.

- Giữ vững công nhận trường đạt chuẩn về an toàn an ninh trật tự, Trường học văn minh.

5. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| - Tinh thần đoàn kết | - Lòng nhân ái |
| - Tinh thần trách nhiệm | - Lòng tự trọng |
| - Khát vọng vươn lên | - Sự hợp tác |
| - Tính trung thực | - Chăm chỉ |
| - Tính sáng tạo | |

6. Phương châm hành động:

“Trách nhiệm, kỷ cương, tình thương, chất lượng giáo dục là uy tín và danh dự của nhà trường”

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng và phát triển đội ngũ.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đảm bảo chất lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế, các văn bản về mọi hoạt động trong trường học tạo cơ sở pháp lý để nhà trường hoạt động.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nâng cao trình độ chính trị, năng lực chuyên môn.

- Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ để mỗi viên chức an tâm công tác, cống hiến và gắn kết với nhà trường.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn

2. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, triển khai có chiều sâu các đề án của Sở GDĐT, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Lãnh đạo và tổ chức việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh; chuyển dần việc truyền thụ kiến thức cho học sinh sang tổ chức hoạt động học tập cho học sinh theo hình thức cá nhân, tổ, nhóm.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống. Đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá xếp loại học sinh theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất phù hợp với mục tiêu đổi mới nội dung chương trình sách giáo khoa mới.

- Tăng cường quản lý đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá: tăng cường dự giờ, góp ý giáo viên, nhấn mạnh trọng tâm đánh giá vào công tác đổi mới phương pháp. Thống nhất ra đề kiểm tra nhằm đánh giá thực chất năng lực vận dụng kiến thức của học sinh, chống lối dạy chay, học vẹt, học tủ.

- Chỉ đạo dạy học phân hóa theo năng lực học sinh: dạy theo hướng cá thể hóa, có bài tập nâng cao, câu hỏi khó cho học sinh khá giỏi, đáp ứng chuẩn kiến thức kỹ năng, yêu cầu cần đạt cho học sinh yếu và trung bình.

- Tổ chức các tiết học trải nghiệm, giáo dục STEM, các câu lạc bộ năng khiếu theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực giúp tăng hứng

thú học tập cho học sinh, chú trọng giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp. Chú trọng phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong dạy học tiếng Anh cho học sinh, làm nền tảng vững chắc để học lên các lớp trên.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng học sinh, chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Huy động nguồn lực (thiết bị, CNTT...) hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học; xây dựng văn hóa hợp tác trong nhà trường để đẩy mạnh việc đổi mới.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng phụ trách tổ chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục.

- Huy động các nguồn lực nội tại và ngoài nhà trường xây dựng đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ cho hoạt động dạy học; có đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn và khối hành chính quản trị theo hướng chuẩn.

- Phòng làm việc được trang bị đầy đủ phương tiện phục vụ cho công tác quản lý và điều hành nhà trường.

- Bổ sung thường xuyên đồ dùng dạy học và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy; quản lý sử dụng thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm của từng giáo viên đúng quy định.

- Xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; kế toán, nhân viên thiết bị.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; thực hiện công tác chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị tin học, máy chiếu, tivi, nâng cấp đường truyền internet, wifi, mở rộng mạng nội bộ, tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện tốt các bài giảng điện tử và khai thác tốt mạng internet để học tập, tham khảo tài liệu.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo các phần mềm như: phần mềm quản lý nhân sự, quản lý học sinh vnedu, kế toán, thư viện, thiết bị, xếp thời khoá biểu, các phần mềm dạy học trực tuyến để

áp dụng tốt trong công tác giảng dạy cũng như công tác quản lý. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng để sử dụng hiệu quả phương tiện công nghệ thông tin phục vụ cho công việc.

- Duy trì nâng cao hiệu quả trang thông tin điện tử của trường thường xuyên để tạo điều kiện tốt hơn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh cũng như hỗ trợ tốt công tác giảng dạy của giáo viên trong trường.

- Cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm quản lý trường học VnEdu; thực hiện đồng bộ dữ liệu lên trung tâm giám sát và điều hành thông tin của Sở GDĐT Trà Vinh (vnEdu-IOC); thực hiện các loại sổ sách, hồ sơ điện tử; hoàn thiện cập nhật mã số định danh của học sinh và kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; tổ chức hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng, tổ công tác công nghệ thông tin

5. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động nguồn lực từ xã hội hóa giáo dục

- Tranh thủ sự quan tâm ủng hộ của chính quyền; các đoàn thể, nhân dân ở địa phương đối với xây dựng cơ sở vật chất và giáo dục học sinh.

- Tăng cường các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Ban đại diện cha mẹ học sinh; Hội khuyến học; các mạnh thường quân..., trong và ngoài địa bàn nhằm tranh thủ và huy động mọi nguồn lực từ bên ngoài nhà trường nhằm phục vụ cho tiến trình xây dựng và phát triển nhà trường đạt được mục tiêu chiến lược.

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh, đảm bảo 100% học sinh thuộc diện gia đình nghèo, cận nghèo có điều kiện đến trường; chăm lo đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên trường.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn ngân sách nhà nước cấp, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Người phụ trách: cán bộ quản lý, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục; xây dựng thương hiệu nhà trường

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống, uy tín nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường, tạo niềm tin cho phụ huynh và học sinh.

- Tạo động lực làm việc cho đội ngũ nhà trường ý thức xây dựng thương hiệu nhà trường; xây dựng tinh thần trách nhiệm – tinh thần đoàn kết – sự hợp tác cùng phát triển.

- Nâng cao chất lượng thật sự bền vững ngang bằng với các đơn vị top đầu trong tỉnh.

Người phụ trách: cán bộ quản lý, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên.

7. Xây dựng văn hóa nhà trường

- Xây dựng các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường nhằm điều chỉnh cách ứng xử của các thành viên trong đơn vị theo chuẩn mực đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, phù hợp với đặc trưng văn hóa của địa phương và điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục; ngăn ngừa, xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi tiêu cực, thiếu tính giáo dục trong cơ sở giáo dục.

- Mỗi thành viên cần hiểu được tầm quan trọng của văn hóa nhà trường; xác định rõ những đặc trưng của văn hóa nhà trường, cũng như các giá trị cốt lõi và cách thức phát triển văn hóa nhà trường.

- Chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi chuyên môn. Khuyến khích giáo viên cải tiến phương pháp nâng cao chất lượng dạy và học, sự hợp tác, sáng tạo và đổi mới.

- Nhà trường thể hiện sự quan tâm, có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, lôi kéo cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề của giáo dục. Tạo ra một môi trường học tập có lợi nhất cho học sinh.

- Học sinh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, ham học. Học sinh được tôn trọng, được thừa nhận và cảm thấy mình có giá trị. Học sinh thấy rõ trách nhiệm của mình.

- Cởi mở và chấp nhận các nhu cầu và hoàn cảnh khác nhau của học sinh. Khuyến khích học sinh phát biểu, bày tỏ quan điểm cá nhân.

- Xây dựng mối quan hệ ứng xử tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau giữa thầy và trò. Xây dựng các quy tắc ứng xử với môi trường (Bảo vệ sức khỏe; giữ gìn vệ sinh trường, lớp; bảo vệ môi trường sống; tiết kiệm năng lượng).

Người phụ trách: cán bộ quản lý, Tổ trưởng chuyên môn, Đoàn thể

8. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình – xã hội

- Đảm bảo quan hệ mật thiết với các cơ quan lãnh đạo, thực hiện đầy đủ các văn bản quy định của cấp trên; hoàn thành tốt các yêu cầu nhiệm vụ cấp trên giao cho.

- Tạo mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện tốt nhất cho phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục của nhà trường.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm tăng cường cơ sở vật chất, động viên khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

- Xây dựng vững chắc mối quan hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh; giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh.

- Phối hợp với các ngành liên quan làm tốt công tác giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, phòng chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường.

Người phụ trách: cán bộ quản lý, Giáo viên chủ nhiệm

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với cán bộ quản lý

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược sau khi được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và cha, mẹ học sinh.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trong từng năm học, đề xuất những biện pháp để thực hiện hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch.

- Định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và những thay đổi của cấp trên.

2. Đối với Tổ chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm theo văn bản chỉ đạo, trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, thời gian thực hiện, các nguồn lực thực hiện, người chịu trách nhiệm.

- Tổ chức và phân công thực hiện hợp lý cho các bộ phận, cá nhân theo trách nhiệm của từng thành viên.

- Trong quá trình thực hiện cần thường xuyên kiểm tra, đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường để có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công việc.

3. Đối với giáo viên, nhân viên

- Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, công tác dạy học và giáo dục học sinh, cùng thực hiện thành công kế hoạch đề ra.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học.

- Tham gia rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

4. Đối với các tổ chức Đoàn thể nhà trường

** Đối với Đoàn thanh niên*

- Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của trường, xây dựng chương trình hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công kế hoạch chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục cho lực lượng đoàn viên làm nòng cốt trong quá trình học tập và rèn luyện để nâng cao chất lượng, cùng xây dựng môi trường học tập văn minh, thân thiện.

** Đối với Công đoàn cơ sở*

- Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của trường, xây dựng chương trình hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công kế hoạch chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động đoàn viên công đoàn tích cực tham gia, đề xuất giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch chiến lược.

5. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

Phối hợp cùng nhà trường trong công tác truyền thông, tuyên truyền đến cha mẹ học sinh biết về kế hoạch phát triển nhà trường để cùng đồng thuận và tham gia, hỗ trợ nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, xây dựng nhà trường theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Kịp thời thực hiện tuyển dụng viên chức để đảm bảo về cơ cấu tổ chức và tỷ lệ giáo viên theo quy định.

- Chỉ đạo, tạo điều kiện, giúp đỡ kịp thời nhà trường về cách tổ chức và thực hiện để đạt được mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra.

- Tạo điều kiện cung cấp trang thiết bị dạy học kịp thời nhằm đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

2. Đối với địa phương (UBND Huyện Cầu Kè)

- Quan tâm xây dựng kế hoạch mở rộng diện tích, khuôn viên trường để học sinh có sân chơi, bãi tập, có điều kiện để trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Quan tâm, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể huyện phối hợp với nhà trường trong thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển Trường THPT Cầu Kè giai đoạn 2024 – 2028 và tầm nhìn đến năm 2033. Nhà trường sẽ xây dựng lộ trình, cụ thể hóa, thành chương trình hành động, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương và yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT(để b/c);
- UBND huyện Cầu Kè(để b/c);
- P.HT, TTCM, Tổ VP(để th/h);
- Các Đoàn thể nhà trường(để th/h);
- Website trường;
- Niêm yết;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Dương Tiến Dũng

DUYỆT CỦA SỞ GD-ĐT